

Bản án số: 11/2020/HSST
Ngày 05/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tuấn Anh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông **Vũ Công Soạn**

2, Bà **Đỗ Thị Kim Chinh**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thảo** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Q mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **TRẦN TRUNG Đ** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 14 tháng 10 năm 1990. Tại Q, tỉnh Q; Nơi cư trú: Khu Yên Lập Đông, phường M, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn V, sinh năm 1962; Con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 18/12/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Y (nay là thị xã Q) xử phạt 42 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 29/8/2009, về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 11/12/2019, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **PHẠM MINH Đ** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 06 tháng 8 năm 1990. Tại Q, tỉnh Q; Nơi cư trú: Khu Đ, phường M, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông: Phạm Văn K (đã chết); Con bà Định Thị Nh, sinh năm 1960; Có vợ là: Nguyễn Cẩm V, sinh năm 1994; Có hai con: Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 11/12/2019, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an

tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **HOÀNG VĂN L** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 23 tháng 8 năm 1988. Tại Đ, tỉnh Q; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông: Hoàng Văn C, sinh năm 1966; Con bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1966; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 11/12/2019, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

** Người chứng kiến:*

1. Ông Vũ Tiên H, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Khu Kh, phường M - TX. Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

2. Ông Lại Văn Th, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Khu K, phường M, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 14 giờ 45 phút ngày 11/12/2019, tại khu Q, phường M, thị xã Q, tỉnh Q, Công an thị xã Q bắt quả tang Phạm Minh Đ và Hoàng Văn L có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ tại mặt đất dưới chân Đ đang đứng có một hộp giấy màu đen chứa 02 túi nilon màu trắng, được hàn kín ba đầu, một đầu có khóa kẹp, bên trong túi có chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục.

Tại Cơ quan điều tra, Đ và L cùng có lời khai: Ngày 11/12/2019, Đ và L thống nhất góp tiền mua ma túy để sử dụng chung. L góp số tiền 100 nghìn đồng đưa cho Đ, sau đó Đ một mình đi gặp Trần Trung Đ tại khu Yên Lập Tây, phường Minh Thành, thị xã Q mua ma túy với số tiền 540.000 đồng. Sau đó Phạm Minh Đ mang ma túy cùng L đi đến khu vực chân núi đá thuộc khu Quỳnh Phú, phường M, thị xã Q để cùng sử dụng ma túy, L đã sử dụng còn Minh Đ chưa kịp sử dụng thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Trung Đ, phát hiện thu giữ 04 vỏ túi nilon màu trắng được hàn kín ba đầu, một đầu bị cắt, một nỏ thủy tinh, 03 ống thủy tinh, một đoạn ống hút nhựa và nhiều túi nilon không chứa gì.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Trung Đ khai nhận: Bản thân sử dụng ma túy từ đầu năm 2019, loại ma túy đá. Trước đó vài ngày, Trung Đức mua ma túy của một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) với số tiền 500.000 đồng tại thành phố H để sử dụng. Khoảng 14 giờ ngày 11/12/2019, Minh Đ gọi điện hỏi mua ma túy thì Trung Đ đồng ý. Sau đó, Trung Đ hẹn Minh Đ tại khu Y, phường M để bán ma túy. Trung Đ bán ma túy và nhận số tiền 540.000 đồng của Minh Đ. Đối với số túi nilon Cơ quan điều tra thu giữ tại nơi ở của Trung Đ là do trước đó Trung Đ mua ma túy về đã sử dụng hết, còn lại bao bì, bộ dụng cụ gồm nỏ thủy tinh và các ống hút là của Trung Đ dùng để sử dụng ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 973 ngày 16/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong

ghi vật chứng thu giữ của Phạm Minh Đ ký hiệu M1, M2 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,384 (không phải ba tám tư) gam.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSQY, ngày 03 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố bị cáo Trần Trung Đ về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Phạm Minh Đ và Hoàng Văn L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Trung Đ, Phạm Minh Đ và Hoàng Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Trung Đ từ 27 đến 30 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2019 ;

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Minh Đ từ 15 đến 18 tháng về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2019 và Hoàng Văn L từ 12 đến 15 tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2019.

Về vật chứng: Áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 (một) phong bì niêm phong số 973/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng như sau: M1: 0,17 gam; M2: 0,08 gam là chất Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi - xám thu giữ của bị cáo Trần Trung Đ và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng - đen thu giữ của bị cáo Phạm Minh Đ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) thẻ căn cước công dân số 022090002377 là giấy tờ tùy thân nên trả lại cho bị cáo Trần Trung Đ.

- 01 (một) Hộp giấy có nắp màu đen, thành hộp màu đỏ, bên trong có chứa 02 túi nilon màu trắng (01 túi được hàn kín ba đầu, đầu còn lại có khóa kẹp; 01 túi được hàn kín ba đầu, đầu còn lại bị cắt); 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh dài khoảng 04cm, một đầu được hàn kín; 01 (một) Đoạn nõ thủy tinh màu trắng, dài 04cm không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 13 (mười ba) Túi nilon màu trắng viền đỏ, được hàn kín 3 đầu, đầu còn lại có khóa kẹp; 01 (một) Túi nilon màu xanh bên trong có chứa 05 túi nilon màu trắng, ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp; 03 (ba) Ống thủy tinh màu trắng, hình trụ tròn, dài 25cm; 01 (một) Túi nilon màu trắng ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp, bên trong có chứa 55 túi màu trắng viền xanh, ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp và 01 túi nilon màu trắng ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp, kích thước (05x10)cm; 01 (một) Chai nhựa màu trắng cao 20cm, có nắp màu đỏ, bên trên nắp

có gắn 01 ống hút nhựa nhiều màu dài 45cm và 01 vỏ thủy tinh màu trắng dài 15cm, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Truy thu số tiền do Trần Trung Đ phạm tội mà có là 540.000 đồng, sung ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phần tranh luận, các bị cáo Trần Trung Đ, Phạm Minh Đ và Hoàng Văn L không tranh luận gì với nội dung bản luận tội và thừa nhận việc truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan sai. Các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của những người chứng chứng kiến, với vật chứng thu giữ, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 11/12/2019, tại khu Y, phường M, thị xã Q, tỉnh Q, Trần Trung Đ có hành vi bán trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,384 gam cho Phạm Minh Đ. Đến 14 giờ 45 phút cùng ngày, Phạm Minh Đ và Hoàng Văn L có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng nêu trên mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Công an thị xã Q bắt quả tang. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q truy tố bị cáo Trần Trung Đ về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Phạm Minh Đ và Hoàng Văn L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Người chứng kiến: Ông Vũ Tiến H vắng mặt tại phiên tòa có lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 14 giờ 45 phút, ngày 11/12/2019, khi ông trên đường đi làm ngang qua chân núi đá thuộc khu Quỳnh Phú, phường Minh Thành, thị xã Q, tỉnh Q thì thấy có một đám đông đang tụ tập ở ven đường, do tò mò nên ông lại gần xem thì thấy lực lượng

Công an đang kiểm tra bắt giữ hai thanh niên. Quá trình chứng kiến ông thấy hai nam thanh niên đó khai nhận có tên là Phạm Minh Đ, sinh năm 1990, trú tại: Khu Đ, phường M, thị xã Q, tỉnh Q và Hoàng Văn L, sinh năm 1988, trú tại: Thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Q. Tại thời điểm kiểm tra, Cơ quan Công an phát hiện và thu giữ phía dưới chân anh Minh Đ đang đứng có 01 hộp giấy màu đen trắng, kích thước (8x8,5x5)cm trong có chứa 02 túi nilon màu trắng được hàn kín đầu, đầu còn lại có khóa kẹp, bên trong mỗi túi nilon đều chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục, 01 chai nhựa màu trắng cao khoảng 20cm có nắp màu đỏ, bên trên nắp chai nhựa có gắn một ống hút nhựa nhiều màu dài khoảng 45cm và 01 ống nổ thủy tinh màu trắng dài khoảng 15cm, bên trong bầu nổ có chứa chất tinh thể màu trắng. Ông thấy anh Minh Đ khai nhận với lực lượng Công an toàn bộ số đồ vật bị thu giữ nói trên là của anh ta, trong đó 02 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng là 02 túi ma túy đá anh ta tàng trữ để sử dụng cho bản thân, còn chai nước có gắn ống hút và nổ thủy tinh là bộ công cụ sử dụng ma túy được anh Đ tự chế tạo mục đích dùng cho việc sử dụng ma túy. Do ông chứng kiến toàn bộ sự việc nên Cơ quan Công an đã mời ông về trụ sở để làm việc. Tại cơ quan Công an ông trình bày: Trước đây khi chứng kiến Cơ quan Công an bắt giữ anh Đ và anh L, ông thấy trong nổ thủy tinh có màu trắng ông nghĩ đó là chất tinh thể giống như trong hai túi nilon. Tuy nhiên, sau khi về Cơ quan Công an ông thấy màu trắng trong nổ thủy tinh là do khói của ma túy đá tạo thành. Còn ma túy trong nổ anh L đã sử dụng hết (Bút lục 145 - 146).

Người chứng kiến ông Lại Văn Th vắng mặt tại phiên tòa có lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 14 giờ 45 phút, ngày 11/12/2019, khi ông đang trên đường đi về nhà ngang qua chân núi đá thuộc khu Q, phường M, thị xã Q, tỉnh Q thì thấy có đám đông đang tụ tập, do tò mò ông lại gần xem thì thấy lực lượng Công an đang bắt giữ hai nam thanh niên và phát hiện phía dưới chân của một nam thanh niên đang đứng có 01 (một) gói hộp giấy màu đen trắng bên trong có chứa 02 túi nilon màu trắng được hàn kín ba đầu, đầu còn lại có khóa kẹp, bên trong mỗi túi đều có chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục, 01 chai nhựa có gắn 01 ống hút nhựa nhiều màu dài khoảng 45 cm và 01 nổ thủy tinh màu trắng dài 15cm bên trong bầu nổ có chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục. Ông thấy người nam thanh niên đó khai nhận là Phạm Minh Đ, sinh năm 1990, trú tại: Khu Đ, phường M, thị xã Q. Toàn bộ số chất tinh thể màu trắng có trong hai túi nilon và có trong bầu nổ thủy tinh đều là ma túy đá của Đ, do Đ mua được của một nam thanh niên có tên là Trung Đ năm nay khoảng 30 tuổi, nhà ở khu Y, phường M với số tiền 540.000 đồng được một gói ma túy, sau đó Đ đã chia nhỏ thành 02 gói ma túy để sử dụng. Tuy nhiên chưa kịp sử dụng thì bị Công an phát hiện bắt giữ. Còn người nam thanh niên đi cùng Đức khai nhận là Hoàng Văn L, sinh năm 1988, trú tại: Thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Q do được Phạm Minh Đ rủ cùng sử dụng ma túy nên L đã đi cùng với Đ đến đoạn chân núi đá thuộc khu Q, phường M để sử dụng ma túy, khi L sử dụng được một khói ma túy thì bị

lực lượng Công an kiểm tra. Sau đó Cơ quan Công an tiến hành niêm phong toàn bộ vật chứng. (bút lục 86).

Các bị cáo Trần Trung Đ, Phạm Minh Đ và Hoàng Văn L đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán, tàng trữ ma túy là trái pháp luật. Nhưng bị cáo Trung Đức vì ham lợi nhuận, các bị cáo Minh Đức và Luân vì thỏa mãn cơn nghiện cho bản thân nên các bị cáo bất chấp pháp luật. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội thể hiện sự coi thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến quy định của pháp luật về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, hành vi của các bị cáo cũng là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự xã hội, tiếp tay cho các đối tượng mua bán trái phép chất ma túy và là nguyên nhân gia tăng các loại tội phạm khác. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét về hành vi và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo.

[3] Về vai trò của các bị cáo:

Bị cáo Trần Trung Đ thực hiện hành vi phạm tội độc lập nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Các bị cáo Phạm Minh Đ và Hoàng Văn L phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cùng bàn bạc và góp tiền mua ma túy sử dụng chung. Bị cáo Minh Đ là người khởi xướng, rủ rê bị cáo L phạm tội và bị cáo Luân cũng tiếp nhận ý chí của Minh Đ một cách tích cực. Do đó bị cáo Minh Đ có vai trò cao hơn so với bị cáo L. Tuy nhiên, bị cáo Minh Đ có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo không có nghề nghiệp và phải nuôi hai con nhỏ. Vì vậy, xử phạt hai bị cáo mức án ngang bằng nhau cũng đảm bảo để tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên, cần thiết cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng. Riêng bị cáo Trần Trung Đ có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 18/12/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Y (nay là thị xã Q) xử phạt 42 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 29/8/2009, về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Về vật chứng:

- 01 (một) phong bì niêm phong số 973/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng như sau: M1: 0,17 gam; M2: 0,08 gam là chất Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi - xám thu giữ của bị cáo Trần Trung Đ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng - đen thu giữ của bị cáo Phạm Minh Đ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) thẻ căn cước công dân số 022090002377 là giấy tờ tùy thân nên trả lại cho bị cáo Trần Trung Đ.

- 01 (một) Hộp giấy có nắp màu đen, thành hộp màu đỏ, bên trong có chứa 02 túi nilon màu trắng (01 túi được hàn kín ba đầu, đầu còn lại có khóa kẹp; 01 túi được hàn kín ba đầu, đầu còn lại bị cắt); 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh dài khoảng 04cm, một đầu được hàn kín, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) Đoạn nõ thủy tinh màu trắng, dài 04cm; 13 (mười ba) Túi nilon màu trắng viền đỏ, được hàn kín 3 đầu, đầu còn lại có khóa kẹp; 01 (một) Túi nilon màu xanh bên trong có chứa 05 túi nilon màu trắng, ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp; 03 (ba) Ống thủy tinh màu trắng, hình trụ tròn, dài 25cm; 01 (một) Túi nilon màu trắng ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp, bên trong có chứa 55 túi màu trắng viền xanh, ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp và 01 túi nilon màu trắng ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp, kích thước (05x10)cm; 01 (một) Chai nhựa màu trắng cao 20cm, có nắp màu đỏ, bên trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa nhiều màu dài 45cm và 01 nõ thủy tinh màu trắng dài 15cm, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Truy thu số tiền do Trần Trung Đ phạm tội mà có là 540.000 đồng, sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định; Tại phiên tòa các bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí:

Buộc các bị cáo Trần Trung Đ, Phạm Minh Đ và Hoàng Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án có đối tượng đã bán ma túy cho Trần Trung Đ. Quá trình điều tra không xác định được nên đề nghị làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Trung Đ** phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Các bị cáo **Phạm Minh Đ** và **Hoàng Văn L** phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Trung Đ** 27 (hai bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/12/2019.

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh Đ** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/12/2019.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn L** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/12/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 973/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng như sau: M1: 0,17 gam; M2: 0,08 gam; 01 (một) Hộp giấy có nắp màu đen, thành hộp màu đỏ, bên trong có chứa 02 túi nilon màu trắng (01 túi được hàn kín ba đầu, đầu còn lại có khóa kẹp; 01 túi được hàn kín ba đầu, đầu còn lại bị cắt); 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh dài khoảng 04cm, một đầu được hàn kín; 01 (một) Đoạn nõ thủy tinh màu trắng, dài 04cm; 13 (mười ba) Túi nilon màu trắng viền đỏ, được hàn kín 3 đầu, đầu còn lại có khóa kẹp; 01 (một) Túi nilon màu xanh bên trong có chứa 05 túi nilon màu trắng, ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp; 03 (ba) Ống thủy tinh màu trắng, hình trụ tròn, dài 25cm; 01 (một) Túi nilon màu trắng ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp, bên trong có chứa 55 túi màu trắng viền xanh, ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp và 01 túi nilon màu trắng ba đầu được hàn kín, đầu còn lại có khóa kẹp, kích thước (05x10)cm; 01 (một) Chai nhựa màu trắng cao 20cm, có nắp màu đỏ, bên trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa nhiều màu dài 45cm và 01 nõ thủy tinh màu trắng dài 15cm.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi - xám thu giữ của bị cáo Trần Trung Đ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng - đen thu giữ của bị cáo Phạm Minh Đ.

Trà lại cho bị cáo Trần Trung Đ: 01 (một) thẻ căn cước công dân số 022090002377.

(Tình trạng các vật chứng trên thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng lập vào hồi 14 giờ 35 phút, ngày 09/03/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q).

Truy thu số tiền 540.000đ (năm trăm bốn mươi nghìn đồng) đối với Trần Trung Đ sung ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc các bị cáo Trần Trung Đ, Phạm Minh Đ và Hoàng Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Q;
- Trại tạm giam CA tỉnh Q
- VKSND thị xã Q;
- Công an thị xã Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TX Q;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh